

VIỆN DÂN BIỂU TRUNG KỲ VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẤU TRANH ĐÒI THAY ĐỔI PHÁP LUẬT Ở TRUNG KỲ TRONG NHỮNG NĂM 1926-1930

TRẦN VĂN THỨC*
ĐẬU ĐỨC ANH**

Bước sang thế kỷ XX, sau khi về cơ bản bình định xong Việt Nam, thực dân Pháp lần lượt du nhập hệ thống “xã hội công nghiệp” vào Việt Nam cho tương ứng với “môi trường công nghiệp” mà người Pháp đã và đang gây dựng ở đây. Một trong những “xã hội công nghiệp” đáng chú ý nhất mà thực dân Pháp đã du nhập vào Việt Nam đó là Viện những đại biểu của nhân dân (Chambre des Représentants du Peuple) mà chúng ta vẫn thường gọi là Viện dân biểu. Để phù hợp với chính sách “chia để trị”, thực dân Pháp đã lập ở mỗi xứ một viện dân biểu, theo đó ở Trung Kỳ, Viện những đại biểu của nhân dân Trung Kỳ (Chambre des Représentants du Peuple de L'Annam) đã được dựng lên.

Sự ra đời của các viện dân biểu nói chung và Viện dân biểu Trung Kỳ nói riêng trước hết là kết quả của sức ép đòi cải cách trong phong trào yêu nước Việt Nam đầu thế kỷ XX. Thật vậy, sang đầu thế kỷ XX, phong trào dân tộc nước ta được “tắm mình” trong làn sóng Tân thư, Tân văn đã làm cho thực dân Pháp phải “diên đảo” tìm cách đối phó. Điểm nổi bật trong trào lưu dân tộc đầu thế kỷ XX là lần đầu tiên trong

lịch sử Việt Nam xuất hiện những cụm từ đòi “dân quyền”, “lập pháp”, “đả phá vào chế độ thực dân, phong kiến”... Chính điều này đã làm cho thực dân Pháp hết sức lo sợ và cảm thấy vị trí của chúng ở Đông Dương đang bị lung lay hơn bao giờ hết. Trước tình hình đó, bọn thống trị ở thuộc địa lại thi hành một loạt cải cách mới núp dưới chiêu bài “hợp tác” song song với việc dùng vũ lực để đàn áp các phong trào dân tộc ở Việt Nam. Thủ đoạn của chiêu bài “hợp tác Pháp - Việt” là thực dân Pháp đã công khai đặt vấn đề về “sự tham gia của người bản xứ vào công việc cai trị đất nước”. Một trong những biểu hiện của chính sách “hợp tác Pháp - Việt” đó là sự ra đời của Hội đồng tư vấn Trung Kỳ (Chambre Consultative Indigène de L'Annam) theo Đạo dụ ngày 19-1-1920 của Khải Định mà sau này với Nghị định ngày 24-2-1926 của Toàn quyền Varenne đã đổi thành Viện những đại biểu của nhân dân Trung Kỳ.

Bên cạnh đó, sự ra đời của Viện dân biểu Trung Kỳ còn nằm trong ý đồ hết sức thâm độc của thực dân Pháp. Nhìn bề ngoài, Viện dân biểu Trung Kỳ có vẻ như là một chính sách khai ân để “cho nhân dân

* TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh

** Th.S. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Vinh

dự vào việc nước” nhưng thực chất, thực dân Pháp muốn sử dụng tổ chức này làm “công cụ tuyên truyền” cho chính sách “Pháp - Việt đề huê” và cho sự “khai hóa văn minh” của người Pháp ở Trung Kỳ nói riêng, Đông Dương nói chung.

Tuy nhiên, thực tế hoạt động của Viện dân biểu Trung Kỳ không như toan tính và mong muốn của thực dân Pháp. Ngay trong khoá đầu tiên (1926 - 1930), chính tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của các nghị viên nên Viện dân biểu Trung Kỳ đã có những hoạt động “cụ cựa” vượt ra ngoài khuôn khổ cho phép của người Pháp. Một trong những nội dung đấu tranh nổi bật của Viện dân biểu Trung Kỳ với thực dân Pháp giai đoạn này đó là đòi thay đổi luật pháp ở Trung Kỳ và đòi quyền lập pháp, lập hiến cho Viện dân biểu.

1. Sau khi về cơ bản chiếm xong nước ta và thiết lập Liên bang Đông Dương, thực dân Pháp thực hiện chính sách “chia để trị”, chúng chia nước ta thành ba xứ và mỗi xứ như vậy lại có một luật pháp riêng. Theo đó, ở Trung Kỳ, thực dân Pháp cho thi hành *Luật Gia Long* và có chỉnh sửa một đôi chút cho phù hợp với âm mưu cai trị của chúng. Tinh thần cốt lõi của *Luật Gia Long* là bảo vệ quyền lợi của chế độ quân chủ chuyên chế.

Ngay trong kỳ Hội đồng đầu tiên của Viện dân biểu Trung Kỳ, các nghị viên Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh đã nêu lên sự bất hợp lý của hệ thống luật pháp ở Trung Kỳ: “Luật lệ đương hành dụng bây giờ tức là bản *Luật Gia Long*, từ thời Minh Mạng đến nay, mỗi đời cũng có bổ thêm tân lệ phụ vào luật ấy.

Đương lúc bế quan, quyền vua quá thịnh, dân trí còn hèn thời luật lệ ấy cũng cho là thích dụng. Từ ngày đại Pháp sang

bảo hộ hơn 40 năm nay, tuy có bỏ nghị, cải nghị một đôi điều, nhưng phần nhiều vẫn hành dụng theo luật lệ cũ” (3).

Để thấy được sự bất hợp lý của luật pháp ở Trung Kỳ, các nghị viên Thanh Hoá, Nghệ An và Hà Tĩnh còn so sánh luật pháp Trung Kỳ với luật pháp Bắc Kỳ. Theo họ, từ năm 1917, ở Bắc Kỳ đã cải chính lại nền pháp luật và điều đó đã làm cho “việc lý hình hầu có trật tự, sự tố tụng hầu được tiện dân” (4). Còn thực trạng của luật pháp trong xứ bảo hộ này không những không có sự thay đổi theo chiều hướng tiến bộ, tích cực mà ngược lại nó lại được bổ sung thêm những điều luật có lợi nhất cho chính sách “khai hóa văn minh” của thực dân Pháp ở xứ này.

Bên cạnh đó, các nghị viên trong Viện dân biểu Trung Kỳ còn thẳng thắn chỉ trích sự tàn ác của thời Trung cổ vẫn được duy trì trong luật pháp áp dụng ở Trung Kỳ lúc bấy giờ: “Kìa những điều “thần thuộc duyên tạo”. Những tội “trảm”, “giảo”, cho đến như “gông”, như “xiềng”, nào “xuy”, nào “trượng”, biết bao nhiêu điều thảm khốc, ức chế, nếu đem ra hành dụng ngày nay, thực không hợp thời và trái với nhân đạo” (5). Ngoài ra, các nghị viên trong Viện dân biểu Trung Kỳ còn đề cập đến những rắc rối, phiền lụy và việc xét xử mang tính chất áp đặt của hệ thống toà án ở xứ Trung Kỳ: “Đến sự tổ chức tòa án, lại rất sơ sài; chức Phủ, Huyện kiêm cả hành chính và lý hình, từ án xuy cho đến án tử tội, đều có trách nghị xét xử mà kỳ thực không có chút quyền chung thẩm nào... Tòa án không có trạng sư, làm tội người ta mà không cho người ta cãi, tội nặng nhẹ cứ ý người trên, nỗi oan khổ kẻ đời dân dưới...” (6). Như vậy, Viện dân biểu Trung Kỳ đã ý thức được sự lạc hậu, lỗi thời, tàn ác, rắc rối, phiền lụy của bộ luật đang được áp dụng ở Trung Kỳ.

Không chỉ dừng lại ở đó, các nghị viên đã sử dụng “quyền được nói” của mình để tố cáo những điều thảm khốc và bất hợp lý của luật pháp ở Trung Kỳ thời bấy giờ. Rõ ràng, đây là một trong những hoạt động vượt ra ngoài trù tính và mong muốn của người Pháp. Hoạt động này không còn đóng khung trong cụm từ “cụ cựa” nữa mà hơn hết, những hành động này đã thể hiện rất rõ tinh thần yêu nước thương nòi, xuất phát từ nguyện vọng và quyền lợi chính đáng của nhân dân Trung Kỳ.

2. Viện dân biểu Trung Kỳ đã đứng về phía nhân dân, xuất phát từ quyền lợi của dân chúng để nói lên sự thống khổ, sự phiền lụy của họ khi sống trong bầu không khí ngột ngạt của luật pháp thời trung cổ kết hợp với luật pháp thực dân. Qua đó nêu lên sự cần thiết phải có một bộ luật mới để dân chúng bớt “khổ đau” và “oan trái”, cho phù hợp với “nền chính hiến mới” ở xứ Trung Kỳ: “Nền chính hiến trong nước đã theo trình độ dân trí mà sửa sang, thời nền pháp luật trong nước cũng phải theo trình độ dân trí và chính hiến mà thay đổi... Nền pháp luật không chám chước cổ kim mà cải chính cho thích thời nghị, hợp công lý, thời chẳng những thiệt hại đến tính mạng, tài sản quốc dân, mà lại phương hại đến cả nền chính hiến trong nước nữa” (7).

Bên cạnh đó, Viện dân biểu Trung Kỳ cũng cho rằng, “nay thời đại đã khai thông, cũng phải cần đến những luật thương mại, luật lao động và luật hàng hải (những luật ấy hiện chưa có) để dân bảo hộ cũng hưởng quyền lợi... cho hợp thời thế” (8). Các nghị viên tha thiết yêu cầu: “Nay xin lập ngay một hội đồng, lấy luật lệ Đại Pháp làm chính thức, lấy luật lệ cũ Bản quốc và luật lệ mới Bắc Kỳ làm bàng thức, chám chước đông tây, lấy cổ kim mà lập thành một bộ

luật cho có giá trị, nghĩa là cho phù hợp với công lý nhân đạo” (9).

Có thể nói, sự cần thiết phải có một bộ luật mới để thi hành ở Trung Kỳ là một trong những vấn đề nghị sự được Viện dân biểu Trung Kỳ hết sức quan tâm. Nhiều phiên họp của khóa thứ nhất từ 1926 đến 1930 của Viện, vấn đề này luôn được đặt ra ngày càng gay gắt, quyết liệt. Trong bản “Những điều thỉnh cầu chung của toàn Viện” tại kỳ Hội đồng năm 1927, các nghị viên lại nêu lên: “Nếu chưa thể lập được luật mới ngay, thời xin hãy đem luật hiện hành dụng ở Bắc Kỳ mà thi hành ở Trung Kỳ... nếu chưa có thể thi hành luật Bắc Kỳ ngay được, thì xin: những án kiện từ Thừa Thiên dĩ Bắc, thì do Toà Thượng thẩm ở Bắc Kỳ (Hà Nội) phúc duyệt lại, từ Thừa Thiên dĩ Nam, do Thượng thẩm Sài Gòn phúc duyệt lại, cho được hết lẽ công bình” (10).

Ý thức được sự cần phải có một bộ luật mới tiến bộ hơn, dân chủ hơn và bớt “khắc nghiệt phiến hà” thay cho bộ *Luật Gia Long* đang áp dụng ở Trung Kỳ, các nghị viên tiến bộ trong Viện dân biểu đã đi đến một yêu cầu, đòi hỏi cao hơn mà cũng rất chính đáng đó là đấu tranh giành quyền thiết lập luật pháp. Tiến xa hơn một bước, Viện dân biểu Trung Kỳ còn đấu tranh đòi quyền lập hiến cho xứ Trung Kỳ. Bởi lẽ, muốn cải cách pháp luật thì phải xây dựng hiến pháp để làm cơ sở cho nền pháp lý ấy tồn tại. Bởi vậy, các nghị viên trong Viện dân biểu Trung Kỳ liên tục yêu cầu với thực dân Pháp đòi lập ở Trung Kỳ một nền chính hiến mới, mặc dù nền chính hiến ấy chỉ nằm trong khuôn khổ “hợp tác Pháp - Việt”. Điều này cũng đồng nghĩa đó là đấu tranh đòi mở rộng quyền hạn của Viện - quyền lập pháp và lập hiến.

3. Tuy nhiên, đáp lại, thực dân Pháp một mực cho rằng, người Nam chưa có khả

năng thành lập luật, chưa có trình độ lập hiến: “Về việc sửa luật thì hiện nay người Nam chưa đủ tay chuyên môn để dự vào Hội đồng sửa luật” (11). Còn Toàn quyền Varenne lại ngụy biện rằng: “Khi trước Bản chức nghe rằng các ông yêu cầu cho xứ này phải có một cái hiến pháp... Song tuy rằng chưa có hiến pháp... (nhưng) nhà nước bảo hộ cũng đã có sẵn cái khí cụ đủ làm cho xứ này tiến hoá được, mà xưa nay vẫn thực hành được nhiều công cuộc rồi” (12). Rõ ràng, ý đồ của thực dân Pháp là muốn duy trì luật pháp cũng như chính thể cũ ở Trung Kỳ để dễ bề cai trị và có lợi tối đa cho chúng. Đáp lại những lời nghi ngờ, phủ định về trình độ lập pháp của người Nam của thực dân Pháp, nghị viên Nguyễn Trác cho rằng: “Sao ở Bắc Kỳ lại có người, có tiền lại sửa luật được?” (13).

Có những lúc, “xung đột nghị trường” đã diễn ra hết sức căng thẳng và gay gắt và lên đến đỉnh điểm giữa một bên là những đại biểu của nhân dân Trung Kỳ và một bên là đại diện của chính phủ bảo hộ. Ngày 1-10-1928, trong diễn văn khai hội kỳ Hội đồng lần thứ ba của Viện, thay cho những lời “tán dương chính thể đại nghị”, nghị trưởng Huỳnh Thúc Kháng lại đưa ra bản cáo trạng gay gắt về những “hình luật phiền lụy” mà người Pháp lập ra ở Trung Kỳ: “Thuốc trị bệnh điên mà dùng trị người thường, thì thần kinh phải đến rung chuyển, hăm lùa thú dữ mà đào giữa đường thì hành khách không khỏi sủa chân, hình luật nước nhà đặt ra là cốt để trị người có tội (như đạo kiếp, loạn tặc) để giữ gìn trật tự duy trì cuộc an trong xứ. Như người không tội mà bị hình, hoặc bị vu oan chưa tra xét cho đích thực mà đã bị bắt giam thì sao cho khỏi điều oan khuất? Mà những người trọn đời lương thiện cũng không biết đường mà tránh... nhà nước vì cuộc trị an, phải thi hành cái hình luật

ng nghiêm ngặt (báo sách bị cấm, bị bắt, dân gian thì bị xét nhà xét cửa, cho đến diễn thuyết làm trường học cũng bị lụy). Những người làm quấy mà bị tội đã đành mà những kẻ oan lụy cũng không ít, gia dĩ tội danh không được rõ ràng, chứng tỏ không có xác thực (ở Trung Kỳ) bắt tội đã không tuyên án cho người bị tội biết, lại không được cái (cãi - TG chú) lẽ nữa, thật là một điều rất lạ, những bọn sinh thủ đoạn ám muội, một tờ đầu cáo, tra xét đến năm bảy nhà, hai chữ “tình nghi” hăm hại biết bao nhiêu kẻ, tự nhà nước tin theo những lời thêu dệt, cho là phản kháng, cho là phiến loạn, không trị không được, mà biết đâu ở trong vùng chuyện ít mà xít ra nhiều, sự nhỏ mà gây ra lớn làm cho dân ngu cùng bọn thiếu niên sủa vào lưới tội mà không biết mà cũng không tránh được, thậm họa biết chừng nào” (14).

Rõ ràng, lời phát biểu đầy tâm huyết trên đây của ông nghị trưởng Huỳnh Thúc Kháng nói riêng và Viện dân biểu Trung Kỳ nói chung vừa xuất phát từ thực trạng của luật pháp Trung Kỳ, nhưng bên cạnh đó nó cũng vừa xuất phát từ tấm lòng yêu nước thương nòi của một trong những lãnh tụ của phong trào Duy tân ở Trung Kỳ những năm đầu thế kỷ XX. Chính Huỳnh Thúc Kháng đã khôn khéo sử dụng “quyền được nói” một cách công khai của mình tại nghị trường để lên tiếng chỉ trích những chính sách cai trị và “khai hóa” của người Pháp ở đất Trung Kỳ. Đối với những người dân đang sống trong chế độ thực dân phong kiến bị mù chữ, tất nhiên sự hiểu biết của họ về luật pháp rất hạn chế. Mặt khác, vì luật pháp lại có những điều khoản hết sức vô lý thì hệ quả tất yếu những người dân vô tội sẽ “sủa vào lưới tội” mà cũng không hay biết mình mắc tội là điều không tránh khỏi. Bên cạnh đó, cũng vì hình luật phiền lụy và nhà nước “nay ra nghị định này, mai ra

ngộ định khác, sớm thay chiều đổi, nhân dân không biết nương tựa vào cái gì làm chừng mực, nên tai mất hóa loạn” (15). Bởi thế mới có hiện tượng oái oăm, “quan lại ép dân mà mua oán cho nhà nước tại đó”. Hậu quả thì chỉ mình những người dân nghèo lương thiện phải gánh chịu, họ bị ghè đầu, cưỡi cổ, bị ức hiếp như cơm bữa là chuyện thường xuyên xảy ra.

Cũng ngay trong phiên họp này, qua lời đáp lại ý kiến của nghị trưởng Huỳnh Thúc Kháng, Khâm sứ Trung Kỳ Jabouille đã cự tuyệt những yêu cầu cần phải có pháp luật mới và quyền lập pháp, lập hiến của Viện dân biểu Trung Kỳ. Bằng hành động đó, Khâm sứ Jabouille đã tự lột mặt nạ thực dân khi lập nên Viện dân biểu Trung Kỳ: “Các ông tưởng rằng Viện nhân dân đại biểu ở đây in như Hạ nghị viện bên Tây do phổ thông bầu phiếu mà ra, tưởng rằng (Viện dân biểu) không những được quyền giám sát Chính phủ mà thôi, mà lại được dự cả quyền thống trị và hành chính với Nhà nước bảo hộ nữa. Nghĩ như vậy thiệt trái hẳn với sự thật, với cái ý tưởng sáng lập ra Viện này, mà cũng nên nói hẳn cho rõ là sai hẳn đến cái tình thể hiện thời nữa” (16).

Sự xung đột nghị trường giữa các nghị viên có tư tưởng tiến bộ như Huỳnh Thúc Kháng, Lê Văn Huân, Hoàng Đức Trạch, Lương Quý Gi và một số người khác trong kỳ Hội đồng năm 1928 với Khâm sứ Jabouille đã phần nào chứng tỏ tinh thần yêu nước, ý thức rõ âm mưu, thủ đoạn của thực dân Pháp khi cho thành lập Viện dân biểu Trung Kỳ của các nghị viên. Như vậy, đối với thực dân Pháp mặc dù đã đổi Hội đồng tư vấn ra thành Viện nhân dân đại biểu nhưng kỳ thực chức năng và quyền hạn của tổ chức này cũng chỉ đóng khép ở hai chữ “tư vấn” về các vấn đề kinh tế và xã hội mà thôi chứ thực ra không có quyền

tham gia bàn bạc các vấn đề chính trị không có lợi cho chính sách thống trị và bóc lột của người Pháp ở xứ Trung Kỳ. Hay, có chăng, tổ chức này được lập ra bên ngoài như là “một biểu tượng cao đẹp” của “tinh thần hợp tác Pháp - Việt” nhưng kỳ thực bên trong thực dân Pháp lại muốn nó làm công cụ tuyên truyền cho chính sách “khai hóa văn minh” của người Pháp và ru ngủ phong trào đấu tranh của nhân dân: “Muốn cho công cuộc ấy (lập pháp và lập hiến) được mỹ mãn, thì cần phải có trật tự, vì nhân dân nào cũng phải biết rằng không có trật tự, thì không thể thi hành một chính sách quảng đại như thế được” (17).

Cùng với yêu cầu thay đổi luật pháp thì việc đấu tranh đòi quyền lập pháp, quyền lập hiến của Viện dân biểu Trung Kỳ cũng đã bị thực dân Pháp thẳng thắn từ chối tức là người Pháp đã từ chối cái quyền quan trọng nhất của thiết chế nghị viện - quyền lập pháp và lập hiến. Và, thế là tư tưởng lập pháp cũng như lập hiến của Viện dân biểu Trung Kỳ giai đoạn 1926 - 1930 rơi vào bế tắc. Thế nhưng, đây lại là một nét mới hết sức độc đáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung và lịch sử lập pháp, lập hiến Việt Nam nói riêng. Nhìn nhận khách quan chúng ta thấy, những yêu cầu, đòi hỏi phải thi hành một luật pháp mới và hiến pháp của Viện dân biểu Trung Kỳ một mặt thể hiện tinh thần dân tộc, lòng yêu nước của các nghị viên và chính điều này đã làm cho thực dân Pháp bối rối, lo âu rất nhiều.

Sau nhiệm kỳ đầu tiên của Viện dân biểu Trung Kỳ mà nhất là sau khi Viện trưởng Huỳnh Thúc Kháng và hàng loạt nghị viên có tư tưởng yêu nước, tiến bộ đồng loạt từ chức thì hoạt động của tổ chức này dần dần rơi vào quỹ đạo “chân rết” của chính quyền thực dân phong

kiến ở Trung Kỳ. Mặc dù, trong những nhiệm kỳ tiếp sau đó của tổ chức này, rải rác vẫn còn có "những con người tử tế" với những tiếng nói bằng cả ruột gan của mình vì nước, vì dân. Tuy nhiên, do quyền lợi cá nhân của các nghị viên, vì Viện dân biểu Trung Kỳ ra đời trong bối

cảnh xã hội Việt Nam mất độc lập, chủ quyền và do kẻ cai trị "ban phát" cho nên tiếng nói của Viện dân biểu Trung Kỳ quá nhỏ bé, quá yếu ớt và trở nên bất lực trước thực trạng khổ đau của đời sống nhân dân và lòng tham vô đáy của bọn thực dân cai trị.

CHÚ THÍCH

(1). *Chambre Consultative indigène de L'Annam, Textes Organiques, Séance D'inauguration Procès verbaux des Séances de la session Ordinaire De 1920*, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(2). *Journal officiel de l'Indochine Française*, Février, 1926, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội.

(3), (4), (5). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Các bản trình cầu của nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1926, tr. 3.

(6). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Các bản trình cầu của nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1926, tr. 4.

(7). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Các bản trình cầu của nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1926, tr. 3.

(8). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Các bản trình cầu của nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1926, tr. 4.

(9). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Các bản trình cầu của nghị viên Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1926, tr. 4.

(10). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1927*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1927, tr. 44.

(11). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1927*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1927, tr. 40.

(12). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1927*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1927, tr. 20.

(13). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1927*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1927, tr. 40.

(14). Nguyễn Q. Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng - con người và thơ văn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 693.

(15). Nguyễn Q. Thắng, *Huỳnh Thúc Kháng - con người và thơ văn*, sdd tr. 693.

(16). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1928*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1928, tr. 16.

(17). *Trung Kỳ Nhân dân Đại biểu Viện, Biên bản kỳ Hội đồng năm 1929*, Nxb. Đắc Lập, Huế, 1929, tr. 10.